

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN CHO HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ

Số:

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Luật Thương mại năm 2005;
- Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;
- Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam;
- Thông tư số ... /2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời;
- Nhu cầu mua, bán điện của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm..... , tại

Chúng tôi gồm:

Bên bán điện (Bên A):

Địa chỉ:

Điện thoại: _____ Email: _____ Fax: _____

Mã số thuế _____ Giấy ĐKKD/ĐKDN:

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện:

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____ theo văn bản ủy quyền (số, ngày, tháng, năm).

Bên mua điện (Bên B):

Địa chỉ:

Điện thoại: _____ Email: _____ Fax: _____

Mã số thuế _____ Giấy ĐKKD/ĐKDN:

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện:

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____ theo văn bản ủy quyền (số, ngày, tháng, năm).

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện (sau đây gọi là Hợp đồng) để mua, bán điện năng được sản xuất từ hệ thống điện mặt trời mái nhà (sau đây gọi là Hệ thống), có công suất lắp đặt là kWp với các thông số tại Phụ lục (Mẫu Phụ lục do Bên B ban hành) do Bên A đầu tư xây dựng và vận hành tại *[địa điểm xây dựng Hệ thống]* với những điều khoản dưới đây:

Điều 1. Điện năng mua bán

1. Bên A đồng ý bán cho Bên B và Bên B đồng ý mua của Bên A sản lượng điện năng được sản xuất từ Hệ thống phát lên lưới của Bên B thông qua công tơ đo đếm được lắp đặt tại điểm giao nhận điện.
2. Bên B có trách nhiệm thanh toán lượng điện năng từ Hệ thống của Bên A phát lên lưới của Bên B theo giá mua điện quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
3. Điện năng Bên A nhận từ lưới của Bên B sẽ được hai bên ký hợp đồng mua bán điện riêng không thuộc phạm vi của Hợp đồng này.

Điều 2. Xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới và lập hóa đơn

1. Xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới

- Bên B thực hiện ghi chỉ số công tơ vào ngày hàng tháng.

- Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ghi chỉ số công tơ, Bên B sẽ thông báo cho Bên A chỉ số công tơ và lượng điện từ Hệ thống phát lên lưới trong kỳ thanh toán bằng hình thức:

Email *[Địa chỉ nhận email]* SMS/Zalo/Viber *[Số ĐT nhận tin]*

- Trường hợp Bên A không thống nhất với chỉ số công tơ và lượng điện năng phát lên lưới do Bên B thông báo, Bên A có trách nhiệm phản hồi trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo của Bên B bằng hình thức:

Web:

Email [Địa chỉ nhận email]

- Sau thời hạn trên, nếu Bên A không có ý kiến phản hồi cho Bên B thì được hiểu là Bên A thống nhất với chỉ số công tơ và lượng điện năng phát lên lưới do Bên B thông báo.

2. Tiền điện thanh toán:

a) Tiền điện: Căn cứ sản lượng điện hai Bên đã thống nhất tại khoản 1 Điều này và giá mua điện tại Điều 2 của Hợp đồng này, định kỳ hàng tháng Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tiền điện (chưa bao gồm thuế GTGT) như sau:

$$T(n) = Ag(n) \times G(n)$$

Trong đó:

T(n): Tiền điện thanh toán trong tháng n (đồng).

Ag(n): Điện năng Bên A phát lên lưới Bên B trong tháng n (kWh).

- Đối với công tơ 1 biểu giá Ag(n) là sản lượng điện Bên A phát lên lưới Bên B tại điểm giao nhận điện ghi nhận qua công tơ đo đếm.

- Đối với công tơ 3 biểu giá Ag(n) là tổng sản lượng 3 biểu (giờ bình thường, cao điểm, thấp điểm) Bên A phát lên lưới Bên B tại điểm giao nhận điện ghi nhận qua công tơ đo đếm.

G(n): Giá điện áp dụng cho tháng n theo quy định tại Điều 2 (đồng/kWh) của Hợp đồng này.

b) Thuế GTGT:

- Trường hợp Bên A thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, ngoài tiền điện thanh toán tại điểm a khoản 2 Điều này, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền thuế GTGT theo quy định hiện hành.

- Trường hợp Bên A là cá nhân, hộ gia đình thực hiện dự án án điện mặt trời trên mái nhà, đồng thời có nhận điện từ lưới điện quốc gia thì khi kết thúc kỳ ghi chỉ số công tơ cuối cùng của năm, Bên B có trách nhiệm quyết toán tiền mua điện từ Hệ thống điện mặt trời trong năm và quyết toán thuế GTGT cho Bên A tùy thuộc vào doanh thu phát sinh từ Hệ thống điện mặt trời. Bên A có trách nhiệm phối hợp với Bên B trong việc quyết toán thuế GTGT theo quy định hiện hành của pháp luật.

c) Thanh toán trong trường hợp sự cố hệ thống đo đếm

Trong trường hợp hệ thống đo đếm sản lượng điện bị sự cố (do cháy, hỏng, mất hoặc hoạt động không chính xác), Bên bán điện cần thông báo ngay cho Bên mua điện về sự cố của hệ thống đo đếm, các Bên lập biên bản về sự cố, thực hiện thỏa thuận về sản lượng điện năng của Bên A đã

phát lên lưới điện của Bên B trên cơ sở sản lượng của kỳ thanh toán hoặc năm hoặc tháng hoặc tuần trước đó.

Điều 3. Thanh toán

1. Hồ sơ thanh toán:

a) Bên A là tổ chức có phát hành hóa đơn hàng tháng:

Bảng kê chỉ số công tơ và điện năng tháng Bên A phát lên lưới của Bên B do Bên B cung cấp;

Hóa đơn bán hàng theo quy định do Bên A cung cấp với giá trị tiền điện thanh toán được xác định tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này.

Trường hợp hóa đơn do Bên A phát hành là hóa đơn GTGT khấu trừ trực tiếp (trên hóa đơn không có dòng thuế suất và tiền thuế GTGT) thì Bên A phải gửi cho Bên B cả bảng kê và giấy nộp tiền thuế GTGT của phần tiền điện tương ứng với sản lượng điện đã mua bán để Bên B thanh toán phần tiền thuế GTGT cho Bên A.

b) Bên A là tổ chức, cá nhân không phát hành hóa đơn hàng tháng:

Hàng tháng:

Bên B sẽ căn cứ Bảng kê chỉ số công tơ và điện năng Bên A phát lên lưới của Bên B để thanh toán tiền điện cho Bên A, giá trị tiền điện thanh toán được xác định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này.

Hàng năm:

Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc năm hoặc kết thúc Hợp đồng tùy thời điểm nào đến trước, Bên B lập và gửi Bên A xác nhận “Biên bản xác nhận sản lượng điện giao nhận và tiền điện thanh toán” của năm theo mẫu do Bên B ban hành.

Trường hợp Bên A có mức doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế nêu tại điểm b khoản 2 Điều 3, Bên A có trách nhiệm gửi Bên B hóa đơn bán hàng, bảng kê và giấy nộp tiền thuế GTGT của phần tiền điện tương ứng với sản lượng điện đã mua bán để Bên B thanh toán phần tiền thuế GTGT cho Bên A.

2. Hình thức thanh toán:

Chuyển khoản (Bên A chịu phí chuyển khoản).

Thông tin chuyển khoản:

3. Thời hạn thanh toán:

a) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau ngày Bên A thống nhất chỉ số công tơ và điện năng phát lên lưới (do Bên B thông báo) và nộp đủ hồ sơ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Sau thời hạn nêu trên, Bên B không thanh toán cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả tính từ ngày sau ngày đến hạn thanh toán đến ngày Bên B thanh toán. Hai Bên tự thỏa thuận về lãi phạt chậm trả trên cơ sở phù hợp với quy định của Luật Thương mại năm 2005 và bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Bên bán điện.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- a) Đảm bảo thiết kế, thi công lắp đặt, vận hành theo đúng quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật hiện hành về chất lượng điện năng, an toàn điện, xây dựng, môi trường và phòng chống cháy nổ.
- b) Cùng với Bên B ghi nhận, thống nhất và theo dõi sản lượng điện phát lên lưới của Bên B.
- c) Bên A không được đầu nối các nguồn điện khác, ngoài Hệ thống đã được thỏa thuận trong Hợp đồng này, qua công tơ đo đếm mà không được sự đồng ý của Bên B.
- d) Bên A có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo các quy định của Nhà nước.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- a) Đầu tư, lắp đặt công tơ, hệ thống đo đếm tại điểm giao nhận điện cho Bên A nếu Bên A đáp ứng các tiêu chuẩn đầu nối tại điểm a khoản 1 Điều này.
- b) Cùng với Bên A ghi nhận, thông báo, thống nhất và theo dõi lượng điện từ Hệ thống phát lên lưới của Bên B.
- c) Kiểm tra, theo dõi vận hành và xử lý sự cố theo quy định hiện hành.
- d) Bên B có quyền từ chối thanh toán khi Bên A không tuân thủ các điều khoản quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp

1. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng

Trường hợp có tranh chấp xảy ra giữa các Bên trong Hợp đồng này, thì Bên đưa ra tranh chấp phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về nội dung tranh chấp và các yêu cầu trong thời hiệu quy định. Các bên sẽ thương lượng giải quyết tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên đưa ra tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thanh toán tiền điện được thực hiện trong thời hạn 5 (năm) ngày kể từ ngày có thông báo của bên yêu cầu.

Trường hợp hai Bên không thể thống nhất được các tranh chấp, các bên có quyền gửi văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hỗ trợ các Bên giải quyết vướng mắc.

Cơ chế giải quyết tranh chấp này không áp dụng với những tranh chấp không phát sinh trực tiếp từ Hợp đồng này giữa một Bên trong Hợp đồng với các bên thứ ba.

2. Giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật

Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng biện pháp thương lượng theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc một trong các bên không tuân thủ kết quả đàm phán thì một hoặc các bên có thể gửi văn bản đến đơn vị điện lực cấp trên của Bên mua điện hoặc Bộ Công Thương để được xem xét, giải quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn, Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn kể từ ngày/....../20... đến ngày/....../20...
2. Trong thời gian thực hiện, một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt Hợp đồng, Bên yêu cầu phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.
3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ và tên và đóng dấu)